**Hệ thống kế toán Nhật Bản- Những quy định, sự vận dụng kế toán và hệ thống báo cáo tài chính**

**Nguyễn Thị Kim Hương**

Báo cáo tài chính và kế toán Nhật Bản phản ánh sự pha trộn của các ảnh hưởng trong nước và quốc tế. Hai cơ quan chính phủ riêng biệt có trách nhiệm đối với các quy định kế toán và có ảnh hưởng hơn nữa của luật thuế thu nhập doanh nghiệp Nhật Bản. Trong nửa đầu thế kỷ 20, tư duy kế toán phản ánh những ảnh hưởng của Đức; trong nửa thứ hai, ý tưởng của Hoa Kỳ đã lan tỏa. Gần đây, những tác động của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế đã được cảm nhận, và vào năm 2001, một sự thay đổi sâu sắc đã xảy ra với việc thành lập một tổ chức thiết lập chuẩn mực kế toán khu vực tư nhân

Để hiểu kế toán Nhật Bản, người ta phải hiểu văn hóa, thực tiễn kinh doanh và lịch sử của Nhật Bản. Nhật Bản là một xã hội truyền thống có nguồn gốc văn hóa và tôn giáo mạnh mẽ. Ý thức nhóm và sự phụ thuộc lẫn nhau trong các mối quan hệ cá nhân và doanh nghiệp ở Nhật Bản tương phản với các mối quan hệ độc lập, kéo dài giữa các cá nhân và các nhóm ở các quốc gia phương Tây. Các công ty Nhật Bản nắm giữ lợi ích công bằng trong nhau và thường cùng sở hữu các công ty khác. Những khoản đầu tư đan xen này mang lại tập đoàn công nghiệp khổng lồ, đáng chú ý là keiretsu. Các ngân hàng thường là một phần của các nhóm công nghiệp này. Việc sử dụng rộng rãi tín dụng ngân hàng và vốn nợ để tài trợ cho các doanh nghiệp lớn là rất lớn một cách bất thường từ quan điểm của phương Tây, và các nhà quản lý doanh nghiệp phải trả lời chủ yếu cho các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác thay vì các cổ đông. Chính phủ trung ương cũng kiểm soát chặt chẽ nhiều hoạt động ở Nhật Bản, có nghĩa là sự kiểm soát quan liêu mạnh mẽ đối với các vấn đề kinh doanh, bao gồm cả kế toán. Kiến thức về các hoạt động của công ty chủ yếu giới hạn trong tập đoàn và những người trong cuộc khác, chẳng hạn như các ngân hàng và chính phủ. Mô hình kinh doanh keiretsub này đang được chuyển đổi khi Nhật Bản tiến hành cải cách cơ cấu để chống lại sự đình trệ kinh tế xảy ra vào những năm 1990. Cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra sau sự bùng nổ của nền kinh tế bong bóng Nhật Bản Nhật Bản cũng đã thúc đẩy đánh giá các chuẩn mực báo cáo tài chính của Nhật Bản. Rõ ràng là nhiều hoạt động kế toán đã che giấu việc các công ty Nhật Bản làm việc tồi tệ như thế nào. Ví dụ:

1. Tiêu chuẩn hợp nhất lỏng lẻo cho phép các công ty Nhật Bản chôn vùi các hoạt động thua lỗ trong các chi nhánh. Các nhà đầu tư không thể biết liệu toàn bộ hoạt động của một công ty có thực sự sinh lãi hay không.

2. Nghĩa vụ hưu trí và thôi việc chỉ được tích lũy đến 40 phần trăm số tiền nợ vì đó là giới hạn khấu trừ thuế của họ. Thực tiễn này đã dẫn đến việc lấp đầy đáng kể nghĩa vụ lương hưu.

3. Nắm giữ chứng khoán được định giá theo giá gốc, không phải giá thị trường. Được thiết kế để củng cố sự gắn kết của các tổ chức, những tổ chức chéo này rất rộng lớn. Các công ty đã nắm giữ những khoản lỗ, nhưng đã bán những khoản có lãi để chống lại lợi nhuận sụt giảm.

Một kế toán có tên là Big Big Bang đã được công bố vào cuối những năm 1990 để làm cho sức khỏe kinh tế của các công ty Nhật trở nên minh bạch hơn và đưa Nhật Bản phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Những cải cách kế toán được mô tả sau.

QUY ĐỊNH VÀ VẬN DỤNG KẾ TOÁN

Chính phủ quốc gia có ảnh hưởng đáng kể đến kế toán tại Nhật Bản. Quy định kế toán dựa trên ba luật: Luật Công ty, Luật Chứng khoán và Trao đổi và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Ba luật này được liên kết và tương tác với nhau. Một học giả hàng đầu của Nhật Bản đề cập đến tình huống này là một hệ thống pháp lý hình tam giác của Gabriel. Luật 32 Công ty được quản lý bởi Bộ Tư pháp (MOJ). Được phát triển từ luật thương mại của Đức, mã ban đầu được ban hành vào năm 1890 nhưng không được thực hiện cho đến năm 1899. Bảo vệ chủ nợ và cổ đông là nguyên tắc cơ bản của nó, với sự phụ thuộc rõ ràng vào các phép đo chi phí lịch sử. Tiết lộ về uy tín tín dụng và sự sẵn có của thu nhập để phân phối cổ tức có tầm quan trọng hàng đầu. Tất cả các công ty được thành lập theo Luật Công ty được yêu cầu phải đáp ứng các quy định kế toán của nó. Các công ty thuộc sở hữu công cộng phải đáp ứng các yêu cầu tiếp theo của Luật Chứng khoán và Giao dịch (SEL), do Cơ quan Dịch vụ Tài chính (FSA) quản lý .33 Các Selis được mô phỏng theo Đạo luật Chứng khoán Hoa Kỳ và bị Hoa Kỳ áp đặt vào Nhật Bản trong thời kỳ chiếm đóng của Hoa Kỳ sau Thế chiến II. Mục tiêu chính của SEL là cung cấp thông tin cho việc ra quyết định đầu tư. Mặc dù SEL yêu cầu các báo cáo tài chính cơ bản giống như Luật Công ty, thuật ngữ, hình thức và nội dung của báo cáo tài chính được xác định chính xác hơn theo SEL; các mục báo cáo tài chính nhất định được phân loại lại để trình bày và chi tiết bổ sung được cung cấp. Tuy nhiên, thu nhập ròng và cổ đông của cổ đông là giống nhau theo Luật Công ty

Cho đến gần đây, một cơ quan tư vấn đặc biệt cho FSA chịu trách nhiệm xây dựng các chuẩn mực kế toán theo quy định. Được gọi là Hội đồng cân nhắc kế toán doanh nghiệp (BADC), và bây giờ là Hội đồng kế toán doanh nghiệp (BAC), được cho là nguồn chính của các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung ở Nhật Bản.34 Tuy nhiên, một sự thay đổi lớn trong thiết lập chuẩn mực kế toán đã xảy ra vào năm 2001 với việc thành lập của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Nhật Bản (ASBJ) và nền tảng giám sát liên quan của nó, Quỹ Chuẩn mực Kế toán Tài chính (FASF). ASBJ hiện có trách nhiệm phát triển các chuẩn mực kế toán và hướng dẫn thực hiện tại Nhật Bản. Nó có 15 thành viên, bốn người trong số họ là toàn thời gian. Nó cũng có một đội ngũ kỹ thuật toàn thời gian để hỗ trợ các hoạt động của mình. FASF chịu trách nhiệm tài trợ và đặt tên cho các thành viên của mình. Kinh phí đến từ các công ty và nghề kế toán, không phải chính phủ. Là một tổ chức khu vực tư nhân độc lập, ASBJ mạnh hơn và minh bạch hơn BAC và chịu ít áp lực chính trị và lợi ích đặc biệt hơn. ASBJ hợp tác với IASB trong việc phát triển IFRS và năm 2005 đã khởi động một dự án chung với IASB để giảm sự khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán của Nhật Bản và IFRS. Cái gọi là Thỏa thuận Tokyo giữa ASBJ và IASB, được công bố vào năm 2008, đặt mục tiêu năm 2011 là ngày hội tụ đầy đủ giữa   
Hai bộ tiêu chuẩn. BAC vẫn tư vấn cho FSA về các vấn đề kế toán. Như đã thảo luận sau, BAC chịu trách nhiệm thiết lập các tiêu chuẩn kiểm toán. Chuẩn mực kế toán của Nhật Bản không thể trái với luật thương mại (hoặc luật thuế, như được thảo luận tiếp theo). Do đó, việc sắp xếp các chuẩn mực kế toán, luật công ty và luật thuế vẫn là một đặc điểm của báo cáo tài chính Nhật Bản. Cuối cùng, ảnh hưởng của mã số thuế là rất quan trọng. Như ở Pháp, Đức và các nơi khác, chi phí chỉ có thể được yêu cầu cho các mục đích thuế nếu chúng được đặt đầy đủ. Thu nhập chịu thuế dựa trên số tiền được tính theo Luật Công ty. Theo Luật Công ty, báo cáo tài chính và lịch trình hỗ trợ của các công ty vừa và nhỏ chỉ chịu sự kiểm toán của kiểm toán viên theo luật định. Cả kiểm toán viên theo luật định và độc lập đều phải kiểm toán các tập đoàn lớn. Kiểm toán viên độc lập phải kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty được tổ chức công khai theo Luật Chứng khoán và Giao dịch. Kiểm toán viên theo luật định không cần bất kỳ trình độ chuyên môn cụ thể nào và được công ty tuyển dụng trên cơ sở toàn thời gian. Kiểm toán theo luật định tập trung chủ yếu vào các hành động quản lý của giám đốc và liệu họ có thực hiện nhiệm vụ của mình tuân thủ các đạo luật pháp lý hay không. Kiểm toán độc lập liên quan đến việc kiểm tra báo cáo tài chính và hồ sơ, và phải được thực hiện bởi kế toán viên công chứng (CPAs). Viện kế toán công chứng Nhật Bản (JICPA) là tổ chức chuyên nghiệp của CPA tại Nhật Bản. Tất cả các CPA phải thuộc về JICPA.36 Ngoài việc cung cấp hướng dẫn về việc thực hiện kiểm toán, JICPA xuất bản các hướng dẫn thực hiện về các vấn đề kế toán và cung cấp đầu vào cho ASBJ trong việc phát triển các chuẩn mực kế toán. Các tiêu chuẩn kiểm toán được chấp nhận chung được BAC ban hành thay vì JICPA. Ủy ban kiểm toán và kế toán công chứng được thành lập năm 2003. Một cơ quan chính phủ, nó được thiết kế để giám sát và giám sát nghề kiểm toán và cải thiện chất lượng kiểm toán của Nhật Bản. Nó đã được đặt theo FSA vào 2004.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các công ty được thành lập theo Luật Công ty phải lập báo cáo theo luật định để thông qua tại cuộc họp cổ đông thường niên, bao gồm: 1. Bảng cân đối kế toán 2. Báo cáo thu nhập 3. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu của cổ đông 4. Báo cáo kinh doanh 5. Lịch trình hỗ trợ Ghi chú kèm theo bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập mô tả các chính sách kế toán và cung cấp chi tiết hỗ trợ, như điển hình ở các quốc gia khác. Báo cáo kinh doanh chứa một phác thảo về doanh nghiệp và các hệ thống kiểm soát nội bộ và thông tin về hoạt động, tình hình tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Một số lịch trình hỗ trợ cũng được yêu cầu, tách biệt với các ghi chú, bao gồm:

• Thay đổi trái phiếu và các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn khác

• Thay đổi tài sản cố định và khấu hao lũy kế

• Tài sản đảm bảo

• Bảo đảm nợ

• Thay đổi quy định

• Các khoản do và từ các cổ đông kiểm soát

• Quyền sở hữu cổ phần trong các công ty con và số cổ phần của cổ phiếu công ty do các công ty con nắm giữ

• Các khoản phải thu từ các công ty con

• Giao dịch với giám đốc, kiểm toán viên theo luật định, cổ đông kiểm soát và thứ ba các bên tạo ra xung đột lợi ích

• Tiền công trả cho giám đốc và kiểm toán viên theo luật định Thông tin này được chuẩn bị cho một năm trên cơ sở công ty mẹ và được kiểm toán viên theo luật định kiểm toán.

Luật Công ty không yêu cầu sao kê dòng tiền hoặc dòng tiền. Các công ty niêm yết cũng phải lập báo cáo tài chính theo Luật Chứng khoán và Giao dịch, thường yêu cầu các báo cáo cơ bản giống như Luật Công ty cộng với báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Tuy nhiên, theo SEL, báo cáo tài chính hợp nhất, không phải báo cáo công ty mẹ, là trọng tâm chính. Ghi chú và lịch trình bổ sung cũng được yêu cầu. Báo cáo tài chính và lịch trình được gửi theo SEL, được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập. Bắt đầu từ năm 2008, các công ty niêm yết phải phát hành báo cáo tài chính hàng quý. Cũng bắt đầu từ năm 2008, ban lãnh đạo của các công ty niêm yết phải nộp bản đánh giá hàng năm về các biện pháp kiểm soát nội bộ của công ty và một lá thư xác nhận tính chính xác của báo cáo hàng năm. Báo cáo kiểm soát nội bộ phải được kiểm toán. Dự báo lưu lượng tiền trong sáu tháng tới được đưa vào dưới dạng thông tin bổ sung trong hồ sơ với FSA. Thông tin dự báo khác cũng được báo cáo, chẳng hạn như dự báo về đầu tư vốn mới và mức độ sản xuất và hoạt động. Nhìn chung, số lượng báo cáo dự báo của công ty là rộng rãi ở Nhật Bản. Tuy nhiên, thông tin này được báo cáo trong hồ sơ theo luật định và hiếm khi xuất hiện trong báo cáo hàng năm cho các cổ đông.

ĐO LƯỜNG KẾ TOÁN

Luật Công ty yêu cầu các công ty lớn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, các công ty niêm yết phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Luật Chứng khoán và Giao dịch. Tài khoản công ty cá nhân là cơ sở cho các báo cáo hợp nhất và thông thường các nguyên tắc kế toán giống nhau được sử dụng ở cả hai cấp độ. Các công ty con được hợp nhất nếu cha mẹ trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của họ. Kết hợp kinh doanh được hạch toán như là một mua hàng. Thiện chí được đo lường trên cơ sở giá trị hợp lý của tài sản ròng có được và được khấu hao trong vòng 20 năm hoặc ít hơn và phải chịu thử nghiệm suy giảm. Phương pháp vốn chủ sở hữu được sử dụng để đầu tư vào các công ty liên kết khi công ty mẹ và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của họ. Phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được sử dụng để hạch toán các liên doanh; hợp nhất tỷ lệ không được phép. Theo tiêu chuẩn dịch thuật ngoại tệ, tài sản và nợ nước ngoài các công ty con được dịch theo tỷ giá hối đoái hiện tại (cuối năm), doanh thu và chi phí ở mức trung bình và các điều chỉnh dịch thuật nằm trong vốn chủ sở hữu của cổ phiếu. Hàng tồn kho phải được định giá theo giá gốc hoặc thấp hơn giá gốc hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được. FIFO, LIFO và trung bình là tất cả các phương pháp dòng chi phí có thể chấp nhận được, với mức trung bình phổ biến nhất .39 Đầu tư vào chứng khoán có giá trị trên thị trường. Tài sản cố định được định giá theo giá gốc. Phương pháp số dư giảm dần là phương pháp khấu hao phổ biến nhất. Tài sản cố định cũng là những khiếm khuyết được thử nghiệm. Chi phí nghiên cứu và phát triển được mở rộng khi phát sinh. Cho thuê tài chính được vốn hóa và khấu hao, trong khi chi phí cho thuê hoạt động được chi trả. Thuế thu nhập hoãn lại được cung cấp cho tất cả các chênh lệch thời gian sử dụng phương pháp trách nhiệm pháp lý. Tổn thất dự phòng được quy định khi chúng có thể xảy ra và có thể ước tính một cách hợp lý. Lương hưu và các quyền lợi hưu trí khác của nhân viên được tích lũy đầy đủ khi nhân viên kiếm được chúng, và các nghĩa vụ không được hoàn trả được thể hiện như một trách nhiệm pháp lý. Dự trữ pháp lý là bắt buộc: Mỗi năm một công ty phải phân bổ số tiền bằng ít nhất 10 phần trăm cổ tức bằng tiền mặt và tiền thưởng trả cho giám đốc và kiểm toán viên theo luật định cho đến khi dự trữ pháp lý đạt 25% vốn cổ phần. Nhiều thực hành kế toán được mô tả ở trên đã được thực hiện do kết quả của kế toán Big Bang đã đề cập trước đó. Những thay đổi này bao gồm: (1) yêu cầu các công ty niêm yết báo cáo báo cáo lưu chuyển tiền tệ; (2) mở rộng số lượng công ty con được hợp nhất dựa trên sự kiểm soát thay vì tỷ lệ sở hữu; (3) mở rộng số lượng chi nhánh được sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên ảnh hưởng đáng kể thay vì tỷ lệ sở hữu; (4) định giá các khoản đầu tư vào chứng khoán trên thị trường thay vì chi phí; (5) định giá hàng tồn kho ở mức giá thấp hơn hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thay vì chi phí; (6) cung cấp đầy đủ thuế thu nhập hoãn lại; và (7) tích lũy đầy đủ lương hưu và các nghĩa vụ hưu trí khác. Vào tháng 12 năm 2009, Cơ quan Dịch vụ Tài chính tuyên bố rằng các công ty Nhật Bản được liệt kê có thể tự nguyện áp dụng IFRS cho các giai đoạn tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 31 tháng 3 năm 2010. Đây được coi là một bước để áp dụng hoàn toàn IFRS, dự kiến ​​vào khoảng năm 2015.